

ẨN DỤ Ý NIỆM QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING) TRONG CÁC DIỄN NGÔN CHÍNH TRỊ TIẾNG ANH TRONG SỰ LIÊN HỆ VỚI TIẾNG VIỆT

Nguyễn Tiến Dũng*

Theo Lakoff và Johnson (1980), ẩn dụ có mặt cả trong ngôn ngữ, trong tư duy và trong hành động. Ẩn dụ được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp hàng ngày và trong các lĩnh vực chính trị, văn hóa, giáo dục, khoa học. Bài viết này sẽ trình bày vấn đề sử dụng ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (NATION IS A BUILDING) trong các diễn ngôn chính trị tiếng Anh trong sự liên hệ với tiếng Việt và chứng minh rằng có sự tương đồng mang tính phổ quát về cách diễn đạt ẩn dụ ý niệm này trong các diễn ngôn chính trị ở cả hai thứ tiếng.

According to Lakoff and Johnson (1980), metaphor is pervasive not just in language but also in thought and action. Metaphor is widely used in daily conversations as well as in politics, culture, education and science. The article investigates the use of the conceptual metaphor NATION IS A BUILDING in English and Vietnamese political discourses, and points out the general similarities in the expression of this conceptual metaphor in both languages.

1. Đặt vấn đề

Diễn ngôn chính trị (DNCT) được hiểu là các loại diễn ngôn đề cập đến các vấn đề quản lý xã hội, thể hiện mối quan tâm của người dân đối với các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước (Nguyễn Thị Hương và Trần Thị Hoàng Anh, 2014). Theo Nguyễn Thanh Hải (2013: 9), DNCT “có mục đích tạo ra hiệu lực xã hội, hiệu lực chỉ đạo và điều hành, nó chịu sự chi phối của sức mạnh tập thể, cộng đồng, các phát ngôn của nó đầy áp tư tưởng hệ, đầy áp những dấu vết của chiến lược, sách lược. DNCT tạo ra tri thức và áp đặt tri thức qua vai xã hội”. DNCT là công cụ quan trọng để nhà chính trị hay tổ chức chính trị theo đuổi và thực hành quyền lực. Nói cách khác, DNCT là diễn ngôn của quyền lực, gắn chặt với khái

niệm quyền lực. Trong các DNCT, các diễn giả chính trị (thường là các nhà lãnh đạo) có xu hướng viện dẫn một nguồn sức mạnh để kêu gọi và thuyết phục dân chúng, đó là tổ quốc, là nhà nước, là chính quyền, là hệ thống chính trị. Để tạo âm hưởng sâu sắc, tác động một cách tích cực đến đông đảo công chúng - người nghe, đặc biệt khi đối tượng khán giả hiện nay đa dạng về thành phần, lớn về số lượng và không bị giới hạn bởi phạm vi lãnh thổ và thời gian, các bài diễn văn phải có sự hiện diện của những ngôn từ gây ấn tượng mạnh, đáng nhớ và thu hút sự quan tâm của người nghe. Một trong những công cụ ngôn ngữ được các diễn giả chính trị sử dụng một cách *phổ biến* (*ubiquitous*) là ẩn dụ (Zinken, Hellsten và Nerlich, 2003).

2. Ẩn dụ và ẩn dụ ý niệm

Ẩn dụ là một phương tiện ngôn ngữ độc

* ThS., Khoa Đào tạo Đại cương, Trường Đại học Hà Nội

đảo xuất hiện trong đại đa số ngôn ngữ trên thế giới (Al-Zoubi, Al-Ali và Al-Hasnawi, 2006). Ẩn dụ là cách sử dụng tên gọi sự vật, hiện tượng này để thay thế sự vật, hiện tượng khác dựa trên quan hệ liên tưởng tương đồng, có tính hiện thực hoặc giả định (Nguyễn Đức Tồn, 2007). Ẩn dụ hiện diện trong mọi cấp độ hoạt động xã hội và phong cách ngôn ngữ. Cụ thể, ẩn dụ được sử dụng nhiều không chỉ trong ngôn ngữ văn chương mà còn trong ngôn ngữ báo chí, luật học, triết học, và đặc biệt trong ngôn ngữ chính trị nhờ vào khả năng biểu cảm, có thể cụ thể hóa những ý niệm trừu tượng với tính liên hội cao, và theo Charteris-Black (2004), sức nặng thuyết phục đối với lý trí cũng như tình cảm của người nghe.

Các ẩn dụ của một ngôn ngữ là sự chất lọc các giá trị của nền văn hóa dân tộc của ngôn ngữ đó. Ẩn dụ chính là công cụ nhận thức và hành động của các thành viên chung sống trong một cộng đồng văn hóa, phản ánh quan điểm, thái độ của họ đối với thế giới khách quan nói chung và đời sống xã hội của cộng đồng văn hóa đó nói riêng. Vì thế, có thể nhận định rằng, ẩn dụ là một sản phẩm của văn hóa. Ví dụ, hình tượng con cú “owl” là biểu tượng của trí thông minh trong văn hóa phương Tây nhưng lại liên hội đến sự xấu xí trong văn hóa Việt Nam (*mẹ cú, con tiên*).

Một ví dụ khác là sự khác biệt giữa hai nền văn hóa trong quan niệm về “*thời gian/time*”. Theo Lakoff & Johnson (1980), ẩn dụ ý niệm TIME IS MONEY (*thời gian là tiền*) tồn tại phổ biến trong văn hóa phương Tây nhưng người Việt Nam lại duy trì ẩn dụ ý niệm “*thời gian là vàng*”. Theo

giải thích của tác giả Nguyễn Văn Trào (2009), quan niệm về thời gian trong văn hóa phương Tây gắn liền với khái niệm công việc; theo đó, công việc luôn đi liền với lượng thời gian được dùng để hoàn thành công việc đó. Thời gian ở đây được lượng hóa theo giờ, theo tuần, theo năm và người làm việc được trả tiền theo những đơn vị lượng hóa ấy. Vì thế, TIME IS MONEY - *thời gian chính là tiền bạc*. Còn trong văn hóa Việt Nam, thời gian được liên hội với vàng vì vàng là một kim loại quý được sử dụng làm phương tiện trao đổi hàng hóa và tích trữ giá trị trong các gia đình người Việt. Vàng được xem là biểu tượng của sự giàu có, là món quà Trời ban cho người tốt, là phần thưởng vua chúa ban tặng người có công. Và để đề cao tầm quan trọng và giá trị của thời gian, người Việt sử dụng ẩn dụ ý niệm “*thời gian là vàng*”.

Lakoff & Johnson (1980) đánh giá ẩn dụ ý niệm là một công cụ tri nhận hữu hiệu, được sử dụng để ý niệm hóa các phạm trù trừu tượng; theo đó, các khái niệm trừu tượng thường được diễn đạt thông qua các hiện tượng vật lý cụ thể. Ẩn dụ ý niệm được xem là sự chuyển nghĩa hoặc một quá trình ánh xạ cấu trúc và quan hệ nội tại của một *miền nguồn* sang một *miền đích*; theo đó, *miền nguồn* góp phần cấu trúc nên *miền đích*, hay *miền đích* được định dạng thông qua *miền nguồn*. Hai miền này liên hệ với nhau một cách có hệ thống vì giữa hai miền tri thức đó có một số nét tương đồng mang tính hệ thống, hoặc có mối liên hệ theo kinh nghiệm của con người. Ẩn dụ ý niệm là một tập hợp các *ánh xạ* từ *miền nguồn* đến *miền đích*, ở đó các biểu thức ngôn ngữ ẩn dụ hay ẩn dụ ngôn ngữ có chức năng hiển thị các ẩn

dự ý niệm. Quá trình ánh xạ này có thể được biểu đạt bằng ngôn ngữ như sau: TARGET DOMAIN IS SOURCE DOMAIN hoặc TARGET DOMAIN AS SOURCE DOMAIN (MIỀN ĐÍCH LÀ/ NHƯ MIỀN NGUỒN). Trong ví dụ được dẫn ở trên TIME IS MONEY (THỜI GIAN LÀ TIỀN BẠC), miền đích TIME (THỜI GIAN) - một khái niệm trừu tượng - được hiểu thông qua miền nguồn MONEY (TIỀN BẠC) và được thể hiện trong ngôn ngữ như trong các ví dụ dưới đây:

- *He has **spent** so much **time** on this project* (Anh ta **tiêu tốn** nhiều **thời gian** cho dự án này).

- *I want to **save** some **time** for my family* (Tôi muốn **dành thời gian** cho gia đình).

- *That flat tire **cost** me **an hour*** (Cái lốp xe bị xịt hơi này làm **tốn** của tôi cả **tiếng đồng hồ**).

- *You need to **budget** your **time*** (Bạn cần lập **quỹ thời gian** của mình).

- *I have **invested** a lot of **time** in this writing* (Tôi đã **đầu tư nhiều thời gian** cho bài viết này).

- *Surfing the Internet **is time-wasting*** (Lướt mạng rất **lãng phí thời gian**).

Trong ẩn dụ ý niệm, những miền nguồn thông dụng có tần số xuất hiện cao là cơ thể con người, sức khỏe và bệnh tật, động vật, thực vật, nhà cửa và xây dựng, máy móc và công cụ, trò chơi và thể thao, tiền bạc và giao dịch kinh tế, nấu ăn và thực phẩm, nóng và lạnh, ánh sáng và bóng tối, lực và sức mạnh, chuyển động và chiều hướng... Những miền đích thông dụng là cảm xúc, ham muốn, đạo đức, tư duy, xã hội, quốc

gia, chính trị, kinh tế, quan hệ con người, giao tiếp, sự sống và cái chết, sự kiện và hành động...

3. Ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (NATION IS A BUILDING)

Theo Charteris-Black, J. (2004), một trong những ẩn dụ ý niệm thường gặp trong các diễn ngôn chính trị là ẩn dụ QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING).

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tiến hành khảo sát ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING) với ngữ liệu là các bài diễn văn nhậm chức viết bằng tiếng Anh của 45 Tổng thống Hoa Kỳ (135.553 từ) đối chiếu với các diễn đạt về *quốc gia* tương đương trong tiếng Việt hiện đại của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn từ 1945 đến nay mà tiêu biểu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Lê Duẩn, Tổng Bí thư Trường Chinh, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (104.316 từ) để tìm hiểu xem liệu có những tương đồng mang tính phổ quát và những khác biệt giữa các cách diễn đạt về *quốc gia* trong hai thứ tiếng hay không.

3.1. Ngữ liệu tiếng Anh

Thống kê các biểu thức ngôn ngữ thuộc ẩn dụ QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING) trong khối ngữ liệu tiếng Anh được trình bày trong bảng 1 dưới đây.

**Bảng 1: Các biểu thức ngôn ngữ tiếng Anh của ẩn dụ
QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ**

Ẩn dụ ý niệm	Biểu thức ngôn ngữ	Nghĩa tiếng Việt	Tần số sử dụng	Tổng số
QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ	build/rebuild	xây dựng/tái thiết	95	158
	builder	thợ xây	6	
	cement	xi-măng	3	
	collapse	sụp đổ	6	
	construct	xây dựng	8	
	crack	rạn nứt	4	
	fracture	nứt	3	
	lay the foundation/ground	đặt nền móng	11	
	shaking	rung chuyển	4	
	solid	chắc chắn	5	
	stable	bền vững	7	
	threshold	ngưỡng cửa	4	
	wall	tường	2	

Ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING) và các tiểu loại của nó được căn cứ theo các phác đồ đồ họa sau:

(a) nền móng → nền tảng hỗ trợ cho hệ thống chính quyền nhà nước;

(b) công trình xây dựng → hệ thống chính quyền;

(c) sự sụp đổ → thất bại của hệ thống chính trị;

(d) sự rạn nứt → sự xuống cấp và suy yếu của hệ thống chính quyền;

(e) sự bền vững → tính ổn định của hệ thống chính trị;

(f) thợ xây → nhà lãnh đạo chính trị;

(g) xây dựng → thành lập, duy trì và phát triển hệ thống chính quyền;

(h) xi-măng → yếu tố gắn kết hệ thống chính quyền.

Ẩn dụ QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ

(NATION IS A BUILDING) có tần số xuất hiện là 158 lượt trong khối ngữ liệu tiếng Anh và thường được thể hiện qua các biểu thức ngôn ngữ như *build/rebuild* [xây dựng/tái thiết], *cement* [xi-măng], *collapse* [sụp đổ], *construct* [xây dựng], *crack/fracture* [rạn nứt], *door* [cửa], *foundation/ground* [nền móng], *roof* [mái], *shaking* [rung lắc], *solid* [vững chãi], *stable* [ổn định], *wall* [tường] với các biểu thức ngôn ngữ *build/rebuild/builder* chiếm tỷ trọng chủ đạo trong tổng số các biểu thức ngôn ngữ tìm được (hơn 60%).

Có thể dẫn ra một số ví dụ về các diễn ngôn có chứa các biểu thức ngôn ngữ thuộc ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING) như sau:

“We have **built** a military power strong enough to meet any threat and destroy any adversary... We **built** this Nation to serve its people” (Chúng ta đã **xây dựng** sức mạnh quân sự đủ để đối phó với bất kỳ sự đe dọa nào và hủy diệt bất kỳ kẻ thù nào... Chúng

ta **xây dựng** Đất nước này để phục vụ những người dân của Đất nước). (Lyndon B. Johnson, 1965).

"America was **built** on challenges, not promises." (Nước Mỹ phải được **xây dựng** trên nền tảng là những thử thách, không phải dựa trên những lời hứa hẹn) (Bill Clinton, 1996).

Trong những lời phát biểu trên của Tổng thống Lyndon Johnson và Tổng thống Bill Clinton, nước Mỹ được ví như một công trình được xây dựng bởi những người dân Mỹ mà đứng đầu là những nhà lãnh đạo đất nước và nền móng của tòa nhà chính là những thử thách của môi trường xung quanh ví như một nền đất rắn - xây tuy khó nhưng đảm bảo bền và vững. Sức mạnh quân sự của Mỹ cũng được xây đắp như một cầu phần quan trọng của hệ thống chính quyền, giúp đương đầu với tác động bên ngoài có nguy cơ phá hủy sự tồn tại của chính thể.

Ân dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING) cũng hiện diện ở những phát ngôn dưới đây của các Tổng thống John Quincy Adams và Richard Milhous Nixon qua các động từ *shaken, bring down, wall, build, bridge*.

"The revolutionary wars of Europe, commencing precisely at the moment when the Government of the United States first went into operation under this Constitution, excited a collision of sentiments and of sympathies which kindled all the passions and embittered the conflict of parties till the nation was involved in war and the Union was **shaken** to its center".

[Cuộc chiến cánh mạng ở châu Âu, diễn ra chính vào thời điểm Chính phủ Hoa Kỳ

lần đầu tiên vận hành hoạt động theo Hiến pháp này, đã tạo nên sự xung đột giữa các sắc thái tình cảm và sự cảm thông khuấy động lòng trắc ẩn và khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa các đảng phái chính trị khiến quốc gia lâm cảnh chiến tranh và Liên minh bị **rung chuyển** đến tận cốt lõi] (John Quincy Adams, 1825).

"Let us continue to **bring down the walls** of hostility which have divided the world for too long, and to **build** in their place bridges of understanding - so that despite profound differences between systems of government, the people of the world can be friends".

[Chúng ta hãy tiếp tục **giật đổ những bức tường** thù địch đã chia cắt thế giới quá lâu rồi và **xây dựng** tại nơi đó những cây cầu kết nối sự hiểu biết lẫn nhau để các dân tộc trên thế giới trở thành bạn bè dù các hệ thống chính quyền còn tồn tại những khác biệt cơ bản] (Richard Milhous Nixon, 1973).

Trong bài nói của mình, Tổng thống John Quincy Adams đã ý niệm Hoa Kỳ như một tòa nhà bị rung lắc đến tận cốt lõi bởi những mâu thuẫn, xung đột từ bên trong kết cấu, còn Tổng thống Richard Milhous Nixon thì gọi sự thù địch giữa các quốc gia là những bức tường ngăn cách cần bị phá bỏ, giật đổ để trên nền đất đó xây dựng những cây cầu kết nối các quốc gia trên thế giới trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau và tôn trọng, bao dung những sự khác biệt.

Có thể nói ân dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING) đã được các Tổng thống Hoa Kỳ sử dụng một cách hiệu quả để cụ thể hóa hình ảnh quốc gia, hình ảnh hệ thống chính quyền như một công trình xây dựng với

những nền móng, kết cấu xi-măng qua những hành động xây dựng, tái thiết, với đặc điểm bền vững hay rạn nứt và trước những nguy cơ bị rung chuyển hay phá hủy do những tác động từ bên trong hoặc bên ngoài công trình. Và nếu xem mỗi quốc gia, mỗi chính thể như một tòa nhà thì những bức tường ngăn là rào cản sự liên hệ, hợp tác giữa các quốc gia. Những bức tường ngăn cách đó cần được phá bỏ và thay thế bởi những cây cầu đại diện cho sự thông thương, hợp tác.

3.2. Ngữ liệu tiếng Việt

Ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ cũng xuất hiện trong nhiều bài nói của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ. Thống kê các biểu thức ngôn ngữ thuộc ẩn dụ QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ trong khối ngữ liệu tiếng Việt được trình bày trong bảng 2 dưới đây.

Bảng 2: Các biểu thức ngôn ngữ tiếng Việt của ẩn dụ QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ

Ẩn dụ ý niệm	Biểu thức ngôn ngữ	Tần số sử dụng	Tổng số
QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ	bền vững	16	152
	củng cố	12	
	đặt nền móng	15	
	khôi phục	5	
	kiến thiết	4	
	mục nát	4	
	sụp đổ	7	
	trụ cột	4	
	xây dựng	85	

Ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ và các tiểu loại của nó căn cứ theo các phác đồ đồ họa như sau:

(a) nền móng → nền tảng hỗ trợ cho hệ thống chính quyền nhà nước;

(b) công trình xây dựng → hệ thống chính quyền;

(c) sự sụp đổ → thất bại của hệ thống chính trị;

(d) sự mục nát → sự xuống cấp và suy yếu của hệ thống chính quyền;

(e) củng cố → tăng cường tính ổn định của hệ thống chính trị;

(f) bền vững → tính ổn định của hệ thống chính trị;

(g) xây dựng/kiến thiết → thành lập, duy trì và phát triển hệ thống chính quyền.

Ẩn dụ QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ có tần số xuất hiện khá cao (152 lượt) trong khối ngữ liệu tiếng Việt. Nổi bật nhất là từ *xây dựng* với số lượt xuất hiện chiếm tới gần 60% trên tổng số lượt xuất hiện của tất cả các biểu thức được ghi nhận và được sử dụng xuyên suốt trong các diễn ngôn chính trị tiếng Việt như “*xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*”, “*xây dựng một Chính phủ đoàn kết nhất trí, kiên định vững vàng*”, “*xây dựng hệ thống hành chính nhà nước*”, “*xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”, “*xây dựng nước nhà*”, “*xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia*”, “*xây dựng chính phủ điện tử*”, “*xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân*”...

QUỐC GIA còn được ý niệm hóa LÀ MỘT TÒA NHÀ trong trong những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước*” và “*xây dựng nước ta ngày càng hùng hơn, to đẹp hơn*”; hoặc

như trong bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại Diễn đàn Doanh nghiệp Á-Âu lần thứ 14 “**đặt nền móng quan trọng để Việt Nam phát triển và hội nhập**”, “là **nền tảng** căn bản để Việt Nam nâng tầm đóng góp vào liên kết Á-Âu”.

Một số ví dụ khác cũng có sự xuất hiện của ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ như:

- Trong Nghị quyết có nói rõ là chúng ta nhất định đánh thắng Mỹ, và làm cho chính quyền ngụy phải **sup đổ**... Chúng ta đánh cho cái chính quyền ngụy quyền yếu và **sup** đi để **xây dựng** một chính quyền liên hiệp. (Lê Duẩn, 1969).

- **Xây dựng** Cộng đồng ASEAN với 3 **trụ cột** - chính trị an ninh, kinh tế và văn hóa xã hội. (Nguyễn Tấn Dũng, 2015).

- Văn hóa chính trị là cơ sở **xây dựng** hệ thống chính trị **bền vững**. (Nguyễn Phú Trọng, 2014).

4. Kết luận

Từ những phân tích trên, có thể thấy, trong các diễn ngôn chính trị tiếng Anh và tiếng Việt, có sự tương đồng mang tính phổ quát về cách diễn đạt ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING). Sự tương đồng này có thể được giải thích như sau: theo quan điểm tri nhận luận, các khái niệm trừu tượng thường được diễn đạt thông qua các hiện tượng vật lý và như vậy, ý niệm về *quốc gia* được hiểu thông qua hiện tượng vật lý cụ thể: *một tòa nhà*. Nói cách khác, các đặc điểm của *một tòa nhà* ở miền nguồn (*xây dựng, nền móng, trụ cột, xi-măng...*) được ánh xạ lên *quốc gia* trong miền đích, theo đó các cấu trúc, đặc

điểm vật lý của *một tòa nhà* được dùng để ý niệm hóa cấu trúc của *quốc gia* và phương thức ý niệm hóa này hiện diện trong các nền văn hóa khác nhau.

Tuy nhiên, cũng cần ghi nhận rằng những dẫn liệu trong khuôn khổ bài viết này chưa thực sự đầy đủ để có thể bao quát được trọn vẹn ẩn dụ ý niệm QUỐC GIA LÀ MỘT TÒA NHÀ (NATION IS A BUILDING). Cần có những nghiên cứu kế tiếp về chủ đề này để có thể có một cái nhìn tổng thể. Đây hẳn sẽ là một công việc hứa hẹn nhiều phát hiện thú vị theo định hướng nghiên cứu của ngôn ngữ học tri nhận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Al-Zoubi, M., Al-Ali, M., & Al-Hasnawi, A., “Cogno-cultural issues in translating metaphors”, *Perspectives: Studies in Translatology*, 14(3), 2006, 230-239.
2. Charteris-Black, J., *Corpus Approaches to Critical Metaphor Analysis*, New York: Palgrave Macmillan, 2004.
3. Lakoff, G., & Johnson, M., *Metaphors we live by*, Chicago and London: The University of Chicago Press, 1980.
4. Nguyễn Đức Tồn, “Bản chất của ẩn dụ”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 11, 2007, trang 1-9.
5. Nguyễn Thanh Hải, “Tìm hiểu thêm về phân tích diễn ngôn”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 4 (210), 2013, trang 9-15.
6. Nguyễn Thị Hương và Trần Thị Hoàng Anh, “Bàn về diễn ngôn chính trị”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 12 (230), 2014, trang 20-26.
7. Nguyễn Văn Trào, “Bình diện văn hóa tri nhận trong dịch ẩn dụ”, *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, số 21, 2009, trang 114-125.
8. Zinken, J., Hellsten, I. & Nerlich, B., 'What is "Cultural" about Conceptual Metaphors?', *International Journal of Communication*, 13, 2003, 5-29.